

MỐI QUAN HỆ GIỮA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở VÙNG MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

● ĐINH PHI HỔ - BÙI THỊ TRÚC QUY - TRẦN ANH HOA - BÙI QUANG MINH

TÓM TẮT:

Kế toán quản trị chiến lược là hệ thống thông tin kế toán quản trị để hỗ trợ phục vụ người quản lý trong việc hoạch định, thực hiện và đánh giá chiến lược của tổ chức. Tuy nhiên, cho tới nay, chưa có nhiều nghiên cứu đầy đủ và mang tính hệ thống về các yếu tố ảnh hưởng và tác động qua lại giữa thực hiện kế toán quản trị chiến lược và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp (DN). Đây là vấn đề thách thức cho các nhà chính sách và quản lý DN. Nghiên cứu này, sử dụng dữ liệu khảo sát 352 DN tại vùng miền Đông Nam Bộ và áp dụng mô hình cấu trúc tuyến tính trong phân tích. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ tuyến tính dương giữa thực hiện kế toán quản trị chiến lược và hiệu quả hoạt động của DN. Các yếu tố tác động đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược bao gồm: Quy mô DN, Trình độ công nghệ, Phân cấp quản lý, Xây dựng chiến lược kinh doanh, Mức độ cạnh tranh thị trường. Hơn nữa, thực hiện kế toán quản trị chiến lược như là yếu tố trung gian của mối quan hệ xây dựng chiến lược - cạnh tranh thị trường và hiệu quả hoạt động DN.

Từ khóa: kế toán quản trị chiến lược, hiệu quả hoạt động, mô hình phân tích cấu trúc tuyến tính, vùng miền Đông Nam Bộ, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Kế toán quản trị chiến lược là hệ thống thông tin kế toán quản trị để hỗ trợ phục vụ người quản lý trong việc hoạch định, thực hiện và đánh giá chiến lược của tổ chức. Tuy nhiên, cho tới nay, chưa có nhiều những nghiên cứu đầy đủ và mang tính hệ thống về các yếu tố ảnh hưởng và tác động qua lại giữa thực hiện kế toán quản trị chiến lược và hiệu

quả hoạt động của các DN. Nghiên cứu về mối quan hệ trên có ý nghĩa thiết thực góp phần phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động cho các DN. Nghiên cứu này tập trung vào: (i) Xác định các yếu tố tác động đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược và ảnh hưởng của nó đến hiệu quả hoạt động DN; (ii) Xây dựng mô hình phân tích định lượng về mối quan hệ này; (iii) Hàm ý chính sách từ kết quả

ngiên cứu. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 352 DN ở vùng miền Đông Nam Bộ (MĐNB) nhằm tạo cơ sở thực tiễn cho mô hình đo lường. Vùng Đông Nam Bộ gồm 6 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng số diện tích tự nhiên là 23.564 km², chiếm 7,3% diện tích cả nước, dân số toàn Vùng là hơn 17,8 triệu người, chiếm 18,5% dân số cả nước. Vùng Đông Nam Bộ là trung tâm kinh tế lớn hàng đầu của quốc gia, có tầm ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế. Quy mô kinh tế và thu ngân sách đứng thứ nhất cả nước, chiếm tương ứng 33% GDP, chiếm tỷ trọng lớn (50%) về giá trị sản xuất công nghiệp và tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. GRDP tính theo đầu người cao gấp 2 lần mức bình quân của cả nước; có tỷ lệ đô thị hóa cao nhất nước (62,8%); tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vùng luôn cao hơn khoảng 1,2 lần đến 1,4 lần tốc độ tăng trưởng bình quân chung cả nước. Vùng Đông Nam Bộ có bình quân 17,4 DN đang hoạt động trên 1.000 dân (trung bình cả nước là 7.9), cao nhất trong 6 vùng kinh tế xã hội cả nước (Nguyễn Thanh Hòa, 2020). Do khoảng cách địa lý rộng lớn, nghiên cứu chọn mẫu 3 tỉnh - thành trong vùng miền Đông Nam Bộ: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai, đây cũng là các địa phương có số lượng các DN đang hoạt động nhiều hơn so với các tỉnh thành khác trong khu vực.

2. Tổng quan lý thuyết

2.1. Lý thuyết nền tảng

- Lý thuyết thể chế của các tổ chức

Lý thuyết thể chế của các tổ chức (Institutional Theory of Organizations) là một khung quy trình thay đổi thích ứng. Nó xem xét tác động của các yếu tố môi trường bên ngoài và điều kiện thị trường đối với sự thay đổi và phát triển của tổ chức (Barnett & Carroll, 1995). Vận dụng lý thuyết thể chế, Burns & Scapens (2000) cho rằng sự thay đổi kế toán quản trị như sự thay đổi trong các quy tắc và thói quen của tổ chức. Theo Meyer & Rowan (1977), thay đổi kế toán quản trị chính thức và không chính thức được sử dụng để ngụ ý rằng thay đổi không được hướng dẫn cụ thể (thay đổi chính thức), nhưng có thể phát triển từ các hành động dự định của các cá nhân đang ban hành và thay đổi các thói quen của tổ chức (thay đổi không chính thức). Sự thay đổi chính thức xảy ra

thông qua việc giới thiệu các hệ thống và kỹ thuật kế toán quản lý mới, do đó, khiến tổ chức thay đổi bao gồm cả hoạt động của tổ chức. Vì vậy, thực hành kế toán quản trị bao gồm các thực hành chính thức như hệ thống định giá, kỹ thuật tính giá, hệ thống tài chính, hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động và kế toán chiến lược (Smith và cộng sự 2008). Lý thuyết này giải thích việc thực hiện kế toán quản trị được áp dụng bởi các DN.

- Lý thuyết dự phòng

Lý thuyết dự phòng (Contingency Theory) cho rằng hiệu quả của hoạt động tổ chức phụ thuộc vào nền tảng của tổ chức đó. Nghĩa là, một tổ chức có hoạt động hiệu quả hay không tùy thuộc vào khả năng ứng phó với sự không chắc chắn của môi trường kinh doanh (Morton & Hu, 2008). Theo trường phái truyền thống cho rằng, các tổ chức giống nhau có thể dùng chung một cấu trúc tối ưu cho tất cả (Weber, 1947). Tuy nhiên, trong thực tế luôn có sự thay đổi đáng kể trong cấu trúc tổ chức. Ngược lại lý thuyết truyền thống, ngày nay đã phủ định việc có thể có một cơ cấu tổ chức tốt nhất và duy nhất cho tất cả. Otley (1980) đã áp dụng lý thuyết dự phòng vào thực tiễn kế toán quản trị và giải thích rằng không có một thực hành kế toán chuẩn mực chung duy nhất nào có thể áp dụng cho tất cả các tổ chức. Lý thuyết này xem xét các yếu tố ảnh hưởng nhất định sẽ hỗ trợ ban lãnh đạo quyết định lựa chọn thực hành kế toán quản trị phù hợp. Những yếu tố này có thể là những thay đổi về công nghệ và cơ sở hạ tầng của một tổ chức. Quan điểm dự phòng cho thấy rằng hệ thống kế toán quản trị hiệu quả nên phù hợp với cả các yếu tố bên trong và bên ngoài (Battilana & Casciaro, 2012). Các yếu tố bên trong có thể được ví như cấu trúc sở hữu hoặc đội ngũ quản lý và nhân sự chủ chốt tương tự nhau; các yếu tố bên ngoài như sự thay đổi công nghệ, cạnh tranh và các lực lượng thị trường. Lý thuyết dự phòng có liên quan đến nghiên cứu này, trong đó, điều quan trọng là phải giải thích hệ thống kế toán quản trị nên phù hợp giữa các yếu tố bên ngoài và bên trong của tổ chức.

2.2. Kế toán quản trị chiến lược và các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế toán quản trị

- Kế toán quản trị

Lĩnh vực kế toán bao gồm 3 lĩnh vực chính: kế toán tài chính, kế toán quản trị và kiểm toán.

Trong đó, kế toán quản trị (management accounting) liên quan đến việc tạo ra thông tin kế toán cho quản lý và các nhân viên nhằm hỗ trợ họ thực hiện công việc (Caplan, 2006). Kế toán quản trị là một công cụ quan trọng để cung cấp thông tin thích hợp cho nhà quản trị để ra quyết định kinh doanh và nó không chỉ được áp dụng rộng rãi trong các tổ chức kinh doanh đa quốc gia trên thế giới mà còn được áp dụng trong các DN có quy mô vừa tại các quốc gia đang phát triển. Hơn nữa, kế toán quản trị đã và đang đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (Ndwiga, 2011). Theo Kamilah & Zabri (2018), thực hiện kế toán quản trị là việc xây dựng hệ thống thông tin trong tổ chức nhằm cung cấp những thông tin đáng tin cậy để gia tăng giá trị cho khách hàng và tổ chức. Qua đó, việc thực hiện tốt công tác kế toán quản trị sẽ tạo điều kiện cho việc ra các quyết định hiệu quả và hỗ trợ các tổ chức trong việc thúc đẩy các hoạt động kinh doanh.

- Kế toán quản trị chiến lược

Kế toán quản trị chiến lược (Strategic management Accounting, SMA) là hệ thống thông tin kế toán quản trị bao gồm cả thông tin tài chính và thông tin phi tài chính được thu thập chủ yếu từ bên ngoài cho chu kỳ dài để hỗ trợ phục vụ người quản lý trong việc hoạch định, thực hiện và đánh giá chiến lược của tổ chức (Tillman & Goddard, 2008; Langfield - Smith, 2008; CIMA, 2012; Ojua, 2016). Có 3 khái niệm khác nhau về kế toán quản trị chiến lược đã xuất hiện. Thứ nhất, tích hợp các ý tưởng chiến lược vào kế toán quản trị bằng cách áp dụng chiến lược và xem thông tin kế toán quản trị nào có thể được sử dụng để hỗ trợ chiến lược. Thứ hai, nó được thiết kế để gắn kế toán quản trị với quản lý để định vị chiến lược. Thứ ba, SMA chỉ là một tên đại diện nhóm lại với nhau nhiều phương pháp hiện đại trong kế toán quản trị được phát triển gắn với chiến lược (Roslender & Hart, 2010).

- Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược

Từ đầu thập niên 1970, nhiều nghiên cứu trên thế giới đã nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược trong các DN bao gồm: Việc xây dựng chiến lược kinh doanh (Miles và cộng sự, 1978; Fisher, 1995;

Hoque, 2004; Cinquini & Tennuci, 2010; Ojra, 2014); Mức độ cạnh tranh trên thị trường (Gordon & Miller, 1976; Ezzamel, 1990; Wu & Boateng, 2010; Nair & Nian, 2017; Kordlouie & Hosseinpour, 2018); Quy mô của doanh nghiệp (Cinquini & Tennucci, 2010; Fowzia, 2011; Lucas và cộng sự, 2013; Ojra, 2014; Nair & Nian, 2017; Ahmad & Zabri, 2018; Godil và cộng sự, 2019); Sự phân cấp quản lý (Williams & Seaman, 2001; Abdel - Kabel & Luther, 2008; Soobaroyen & Pourundersing, 2008); Trình độ công nghệ (Cadez & Guilding, 2008; Nyamori và cộng sự, 2001; Abernethy & Bouwens, 2005, Aver và cộng sự, 2009; Adu-Gyamfi và cộng sự, 2020).

Dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu đề nghị các giả thuyết sau:

H1: Mức độ cạnh tranh tác động tích cực đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược; H2: Sự phân cấp quản lý tác động tích cực đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược; H3: Quy mô công ty tác động tích cực đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược; H4: Trình độ công nghệ tác động tích cực đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược; H5: Xây dựng chiến lược kinh doanh tác động đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược.

2.3. Kế toán quản trị chiến lược và hiệu quả hoạt động DN

- Hiệu quả hoạt động

Hiệu quả hoạt động tổ chức (operational performance, OPER) bao gồm 3 lĩnh vực cụ thể của kết quả DN: (a) hoạt động tài chính (lợi nhuận, lợi tức trên tài sản, lợi tức đầu tư, v.v.); (b) hoạt động thị trường sản phẩm (bán hàng, thị phần, v.v.); và (c) lợi tức của cổ đông (tổng lợi tức của cổ đông, giá trị kinh tế gia tăng). Hiệu quả hoạt động tổ chức đề cập đến việc một tổ chức đang làm tốt như thế nào để đạt được tầm nhìn của mình, sứ mệnh và mục tiêu (Richard và cộng sự, 2009). Theo Business Ratios Guidebook (2020), hiệu quả hoạt động của DN được đo lường bởi tỷ suất lợi nhuận ròng theo doanh thu (Return on sales, ROS). Theo Liu và cộng sự (2011), tỷ suất lợi nhuận ròng theo tổng tài sản DN (Return on Assets, ROA) cũng là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN, vì tài sản được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh. Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE - Return on

common Equity) cũng là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của DN (Carter & Hones - Evan, 2000; Sylvester & Austin, 2019). Tuy nhiên, khi cơ cấu tổ chức, hoạt động sản xuất - kinh doanh của DN ngày càng phức tạp hơn thì khái niệm OPER càng trở nên khó khăn hơn để xác định và đánh giá. OPER dựa trên quan điểm của nhà đầu tư là giá trị mà họ nhận được từ việc đầu tư vào DN, bao gồm cả giá trị tài chính và giá trị phi tài chính (Simon, 1976; Kaplan & Norton, 1996). Suanmali và cộng sự (2011) xây dựng bộ tiêu chuẩn đo lường OPER cho các DN sản xuất công nghiệp dệt là một tập hợp các chỉ tiêu đo lường trên 4 khía cạnh: tài chính, khách hàng, quy trình nội bộ và đào tạo và phát triển. Nghiên cứu này, các cấu thành của OPER bao gồm: Định mức chi phí sản xuất (CPSX) đơn vị sản phẩm; Lợi nhuận sau thuế thu nhập; Số lượng khách hàng hài lòng về DN; Thị phần của DN.

- *Mối quan hệ giữa thực hiện KTQTCL và hiệu quả hoạt động*

Kể từ năm 2010, nhiều nghiên cứu thực nghiệm cho thấy khi DN sử dụng tốt kế toán quản trị chiến lược thì hiệu quả hoạt động sẽ cao hơn (Al - Mawali và cộng sự, 2012; Aksoylu & Aykan, 2013; Alsoboa, 2015; Turner và cộng sự, 2017; Almari, 2018; Emiaso & Egbunike, 2018; Adu - Gyamfi và cộng sự, 2020). Ngoài ra, theo nghiên cứu của Ojra về các công ty ở Palestin cho thấy

chiến lược kinh doanh và trình độ cạnh tranh tác động tích cực đến hiệu quả tổ chức (Ojra, 2014). Dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu đề nghị giả thuyết sau:

H6: Thực hiện kế toán quản trị tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của DN

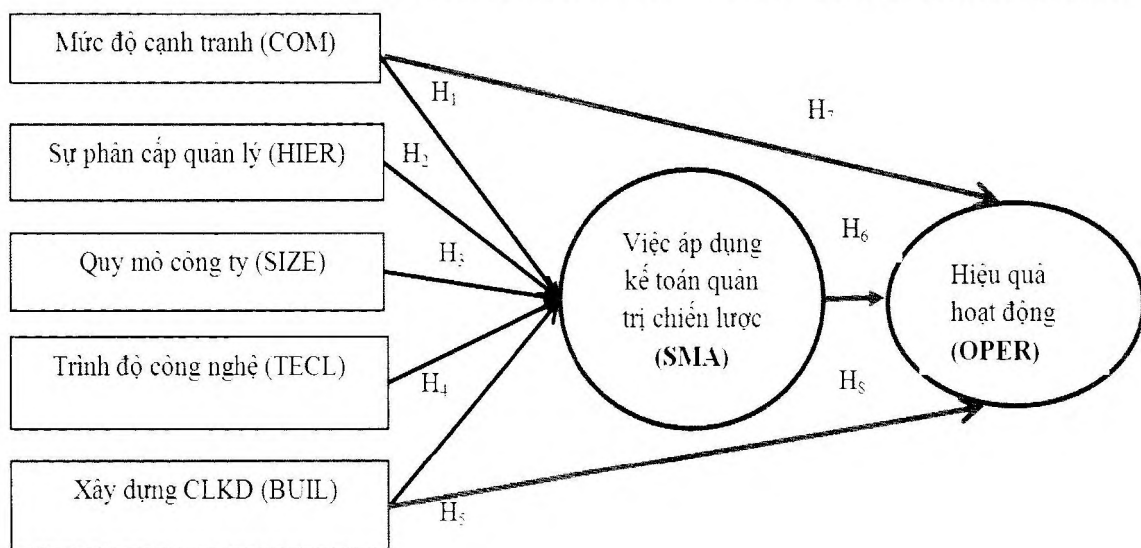
H7: Mức độ cạnh tranh tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của DN

H8: Xây dựng chiến lược kinh doanh tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của DN

3. Mô hình nghiên cứu (Hình 1)

Tổng quan lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm là cần thiết để nghiên cứu thêm nhằm mở rộng lý thuyết, cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm và các hàm ý quản lý liên quan đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược và hiệu quả hoạt động của DN. Các nghiên cứu trước đây nêu bật những hiểu biết sâu sắc về các yếu tố tác động đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược hoặc tác động của nó đến hiệu quả kinh doanh và đo lường các mối quan hệ bằng cách sử dụng các mô hình định lượng khác nhau, độc lập như phân tích nhân tố khám phá hoặc các mô hình hồi quy riêng biệt, nhưng chưa cung cấp cơ sở đầy đủ cho một khung phân tích toàn diện về quan hệ giữa thực hiện kế toán quản trị chiến lược và hiệu quả hoạt động. Do đó, mục đích của nghiên cứu này là mở rộng các phát hiện từ các nghiên cứu trước đây về mối quan hệ kế toán quản trị chiến lược và hiệu quả

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



hoạt động với phân tích tích hợp các mối quan hệ trong mô hình cấu trúc tuyến tính. Nhóm nghiên cứu lựa chọn mô hình nghiên cứu cho các DN ở miền Đông Nam bộ.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Đo lường

Tất cả các thang đo được điều chỉnh từ các nghiên cứu trước để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu tại khu vực miền Đông Nam bộ. Chúng tôi thiết kế 3 quy trình để tiến hành cuộc khảo sát.

Thứ nhất, chúng tôi khảo sát bằng phương pháp chuyên gia trao đổi với các chuyên gia quản lý tài chính của các DN bao gồm 10 người có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan quản lý tài chính này. Sau đó, họ đề xuất một số điều chỉnh để đảm bảo bảng câu hỏi phù hợp với các DN.

Thứ hai, khảo sát thí điểm với 20 chủ DN hoặc nhà quản trị các DN ở TP. Hồ Chí Minh nhằm kiểm tra lại bảng câu hỏi khảo sát không có sai sót và nội dung phù hợp. Mẫu được chọn dựa trên mức độ sẵn sàng tham gia nghiên cứu của người trả lời.

Thứ ba, khảo sát DN ở 3 tỉnh - thành tiêu biểu (TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai), DN đã trải nghiệm thực hiện kế toán quản trị chiến lược. Tổng số có 370 DN trả lời đã điền vào bảng câu hỏi.

Thang đo Likert năm khoảng cách bắt đầu từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý” được sử dụng để đo lường tất cả biến quan sát. Để đo lường các thang đo “Xây dựng CLKD”, “Sự phân cấp quản lý”, “Quy mô doanh nghiệp”, “Trình độ công nghệ”, “Mức độ cạnh tranh” với 20 biến quan sát đã được đưa vào bảng câu hỏi). Các yếu tố đo lường dựa trên tham khảo các nghiên cứu trước đây và được các tác giả phát triển thích hợp với điều kiện Việt Nam dựa vào kết quả của các cuộc thảo luận chuyên gia (Gordon & Nayananan, 1984; Hoque, 2004; Ojra, 2014). Để đo lường “Thực hiện SMA”, 5 biến quan sát được đưa vào bảng câu hỏi. Các yếu tố đo lường thang đo này dựa trên nhận định của Cinquini & Tenucci (2007) và Cadez & Guilding (2008) và được các tác giả phát triển là kết quả của các cuộc thảo luận chuyên gia. Để đo lường thang đo “Hiệu quả hoạt động của DN”, 4 biến quan sát được đưa vào bảng câu hỏi. Các yếu tố

đo lường các thang đo này dựa trên nghiên cứu của Adu-Gyamfi và cộng sự (2020). Bảng đo lường chi tiết thang đo và các biến quan sát có đính kèm trong phần phụ lục.

4.2. Thu thập và xử lý dữ liệu

Khảo sát được thực hiện đối với 370 DN tại TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và Đồng Nai ở vùng MĐNB. Khảo sát tiến hành từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2019. Sau khi thực hiện xử lý dữ liệu, có 352 quan sát đảm bảo phù hợp và sử dụng để phân tích dữ liệu.

Do mô hình lý thuyết với một tập hợp các quan hệ đan xen, mô hình cấu trúc tuyến tính (the Partial Least Squares - Structural Equation Model, PLS - SEM) được sử dụng để kiểm định các giả thuyết trên (Anderson & Gerbing, 1988; Kline, 2011), phân tích cấu trúc tuyến tính được thực hiện theo quy trình bao gồm 4 bước. Quy trình phân tích mô hình bao gồm các bước: (i) Kiểm định tin cậy thang đo (Scale quality test); (ii) Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA); (iii) Phân tích nhân tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis - CFA) và (iv) Phân tích cấu trúc tuyến tính (Structural Equation Modeling - SEM). Phân tích dữ liệu dựa vào phần mềm SPSS và AMOS 20.0.

5. Kết quả

5.1. Mô tả đặc điểm đối tượng khảo sát

- Lĩnh vực sản xuất - kinh doanh: Trong 352 DN khảo sát, các DN thuộc các ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm chủ yếu, 91%. (Hình 2)

- Quy mô vốn: Phần lớn các DN có quy mô vốn ≤ 50 tỷ đồng (53,4%) (Hình 3)

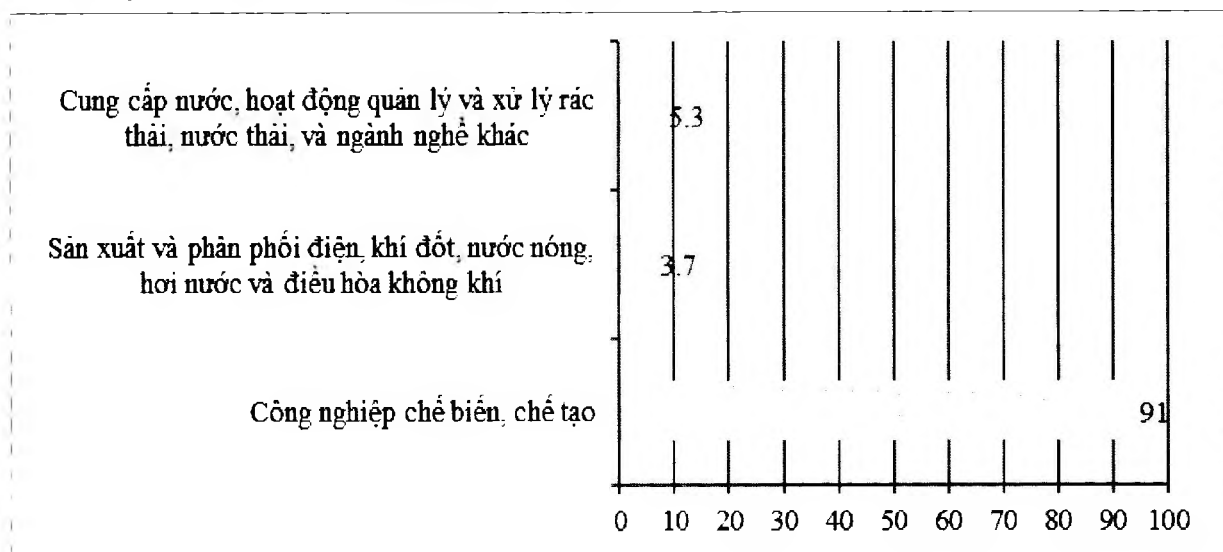
- Độ tuổi và giới tính của người được khảo sát: Độ tuổi chủ yếu là từ 26-35, chiếm 49%. Giới tính nam là 51% và nữ 49% (Hình 4, Hình 5)

- Trình độ chuyên môn và chức danh của người được khảo: Trình độ chủ yếu là đại học (82,6%). Đối tượng khảo sát là kế toán (75%) và giám đốc/quản lý DN (25%). (Hình 6, Hình 7)

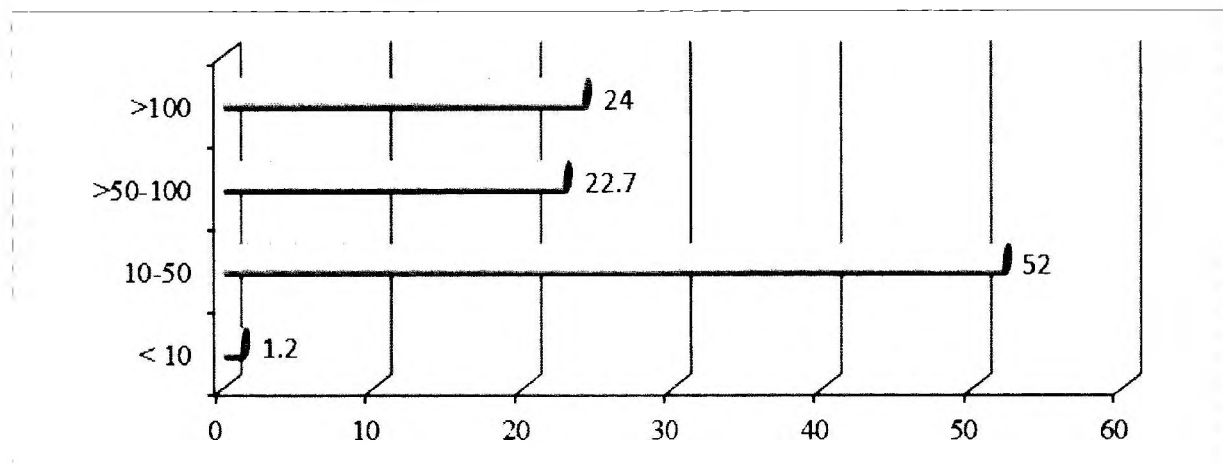
5.2. Phân tích độ tin cậy

Kết quả thể hiện trong Bảng 1 cho thấy: Ngoại trừ biến COMP5 và SMA5, các biến quan sát còn lại đều thỏa mãn các điều kiện trong phân tích độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach $> 0,6$ và tương quan biến - tổng $> 0,3$ (Nunnally & Burnstein, 1994).

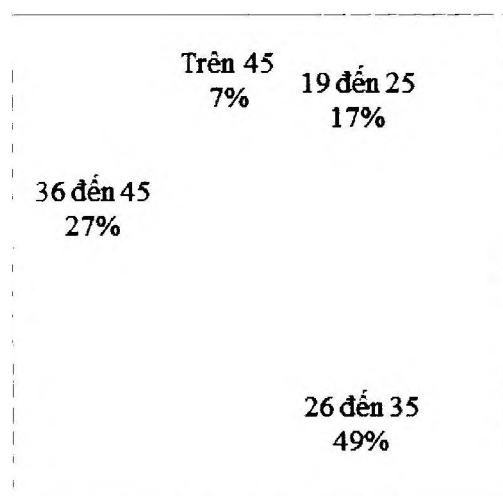
Hình 2: Ngành sản xuất - kinh doanh của DN (%)



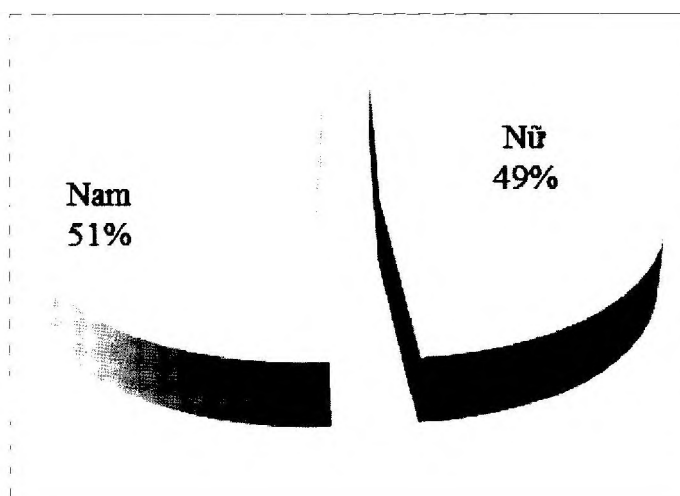
Hình 3: Quy mô vốn DN (Tỷ đồng)



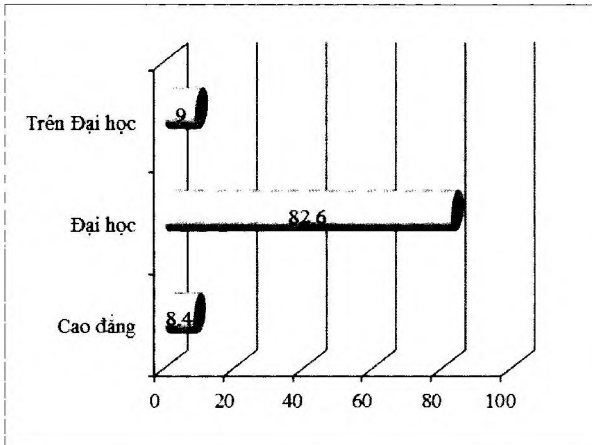
Hình 4: Độ tuổi (%)



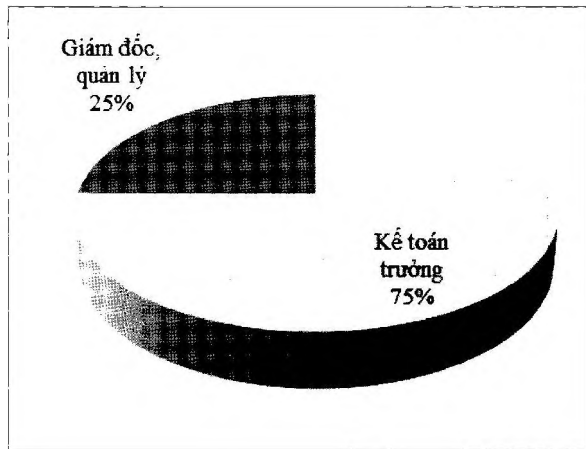
Hình 5: Giới tính (%)



Hình 6: Trình độ chuyên môn (%)



Hình 7: Chức danh (%)



Bảng 1. Tin cậy thang đo và biến quan sát bị loại

Thang đo	Biến quan sát	Hệ số Alpha	Kết luận
TECL	Không	0,824	Chất lượng tốt
SIZE	Không	0,866	Chất lượng tốt
BUIL	Không	0,840	Chất lượng tốt
COMP	COMP5	0,838	Chất lượng tốt
HIER	Không	0,831	Chất lượng tốt
SMA	SMA5	0,846	Chất lượng tốt
OPER	Không	0,871	Chất lượng tốt

5.3. Phân tích nhân tố khám phá

Kết quả được trình bày trong Bảng 2 cho thấy: các yếu tố tác động đến kế toán quản trị chiến lược được trích thành 5 yếu tố tương ứng với các biến đo lường của mô hình lý thuyết với tổng phương sai trích là 65,662% tại Eigenvalue là 1,855; EFA của SMA được trích thành 4 biến quan sát với phương sai trích là 68,650% tại Eigenvalue là 2,746. EFA của OPER được trích thành 4 biến quan sát với phương sai trích là 72,139% tại Eigenvalue là 2,886. Kết quả EFA được sử dụng bằng phương pháp xoay Promax.

5.4. Phân tích nhân tố khẳng định

Mô hình đo lường phù hợp với dữ liệu thực tế phải đảm bảo phù hợp với 5 thước đo: (i) Cmin/df; (ii) TLI, (iii) CFI, (iv) NFI, (v) RMSEA (Gefen và cộng sự, 2011). (Hình 8, Bảng 3)

Bảng 3 cho thấy, mô hình đo lường phù hợp với dữ liệu thực tế.

5.5. Phân tích cấu trúc tuyến tính (Hình 9, Bảng 4, Bảng 5)

Kết quả được trình bày trong Hình 9 cho thấy: mô hình có giá trị Cmin/df = 1,730; TLI = 0,931; CFI = 0,937; NFI = 0,864 và RMSEA = 0,048. Do đó, mô hình tích hợp phù hợp với dữ liệu thực tế.

Kết quả được trình bày trong Bảng 4 cho thấy: tất cả các giả thuyết đều được chấp nhận ở mức ý nghĩa $\leq 0,05$, độ tin cậy trên 95%.

Trong Bảng 5, các yếu tố tác động đến "SMA" theo thứ tự ảnh hưởng: SIZE, TECL, HIER, BUIL, COM. Các yếu tố tác động tích cực đến "OPER" theo thứ tự ảnh hưởng: SMA, BUIL và COM.

6. Thảo luận và hàm ý chính sách

Từ kết quả phân tích, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý sau: Một là, các yếu tố tác động đến thực hiện Kế toán quản trị chiến lược bao gồm: Quy mô DN, Trình độ công nghệ, Phân cấp quản lý, Xây dựng chiến lược kinh doanh, Mức độ cạnh

Bảng 2. Bộ thang đo mới qua phân tích nhân tố khám phá

	Component (Nhân tố)						
	1	2	3	4	5	6	7
SIZE5	0,840						
SIZE2	0,831						
SIZE3	0,827						
SIZE1	0,788						
SIZE4	0,743						
HIER5		0,825					
HIER4		0,786					
HIER1		0,767					
HIER2		0,757					
HIER3		0,718					
BUIL4			0,846				
BUIL3			0,838				
BUIL1			0,799				
BUIL2			0,789				
COMP2				0,852			
COMP3				0,835			
COMP4				0,832			
COMP1				0,756			
TECL1					0,844		
TECL2					0,828		
TECL4					0,798		
TECL3					0,764		
SMA1						0,860	
SMA3						0,858	
SMA2						0,801	
SMA4						0,794	
OPER2							0,874
OPER4							0,850
OPER3							0,840
OPER1							0,833
Kaiser-Meyer-Olkin Measure (Thước đo KMO)	0,833	0,816	0,830				
Bartlett's Test - Mức ý nghĩa (Sig.)	0,000	0,000	0,000				
Eigenvalues (Giá trị Eigen)	1,855	2,746	2,886				
% of Variance (Phương sai trích)	65,662	68,650	72,139				

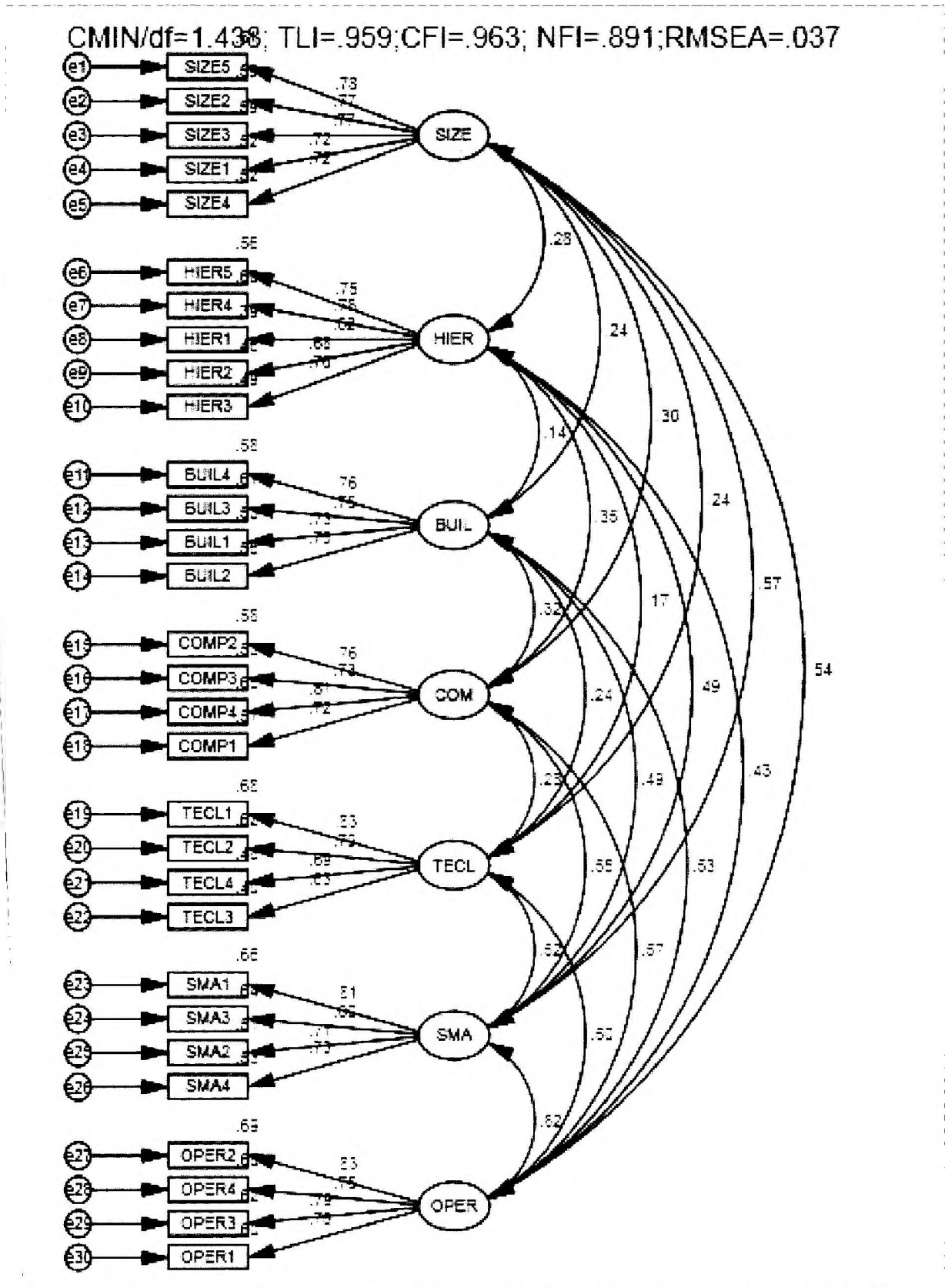
Ghi chú: Theo Hair và cộng sự (2006), $0,5 < KMO < 1$; kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05; hệ số tải nhân tố của các biến quan sát (Factor Loading) $> 0,5$; phương sai trích $> 50\%$ và Eigenvalue > 1 .

tranh thị trường. DN nên tập trung vào (i) Tiếp tục mở rộng quy mô về lao động, Vốn điều lệ, Doanh thu, Tổng giá trị tài sản và Tài sản cố định. Hai là, thực hiện kế toán quản trị chiến lược, Xây dựng chiến lược kinh doanh và Mức độ cạnh tranh thị trường tác động hiệu hoạt động DN. Do đó, cải thiện hệ thống kế toán quản trị chiến lược cần được quan tâm trong các chiến lược, kế hoạch phát triển DN và đặc biệt là quan tâm đến tính thích ứng của chiến lược kinh doanh cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của DN. Ba là, thực hiện kế toán quản trị chiến lược như là yếu tố trung gian của mối quan hệ xây dựng chiến lược - cạnh tranh thị trường và hiệu quả hoạt động DN.

7. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, sự cạnh tranh mạnh mẽ để tồn tại và phát triển, thực hiện kế toán quản trị chiến lược có vai trò quan trọng trong phát triển các DN. Dựa trên khảo sát 352 DN sản xuất tại khu vực Đông Nam Bộ - Việt Nam và sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính, nghiên cứu cho thấy thực hiện kế toán quản trị chiến lược tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động (tương tự kết quả nghiên cứu của Emiaso & Egbunike (2018) về các DN sản xuất chế biến ở Delta State, Nigeria; Adu-Gyamfi và cộng sự (2020) trong nghiên cứu về thực hiện kế toán

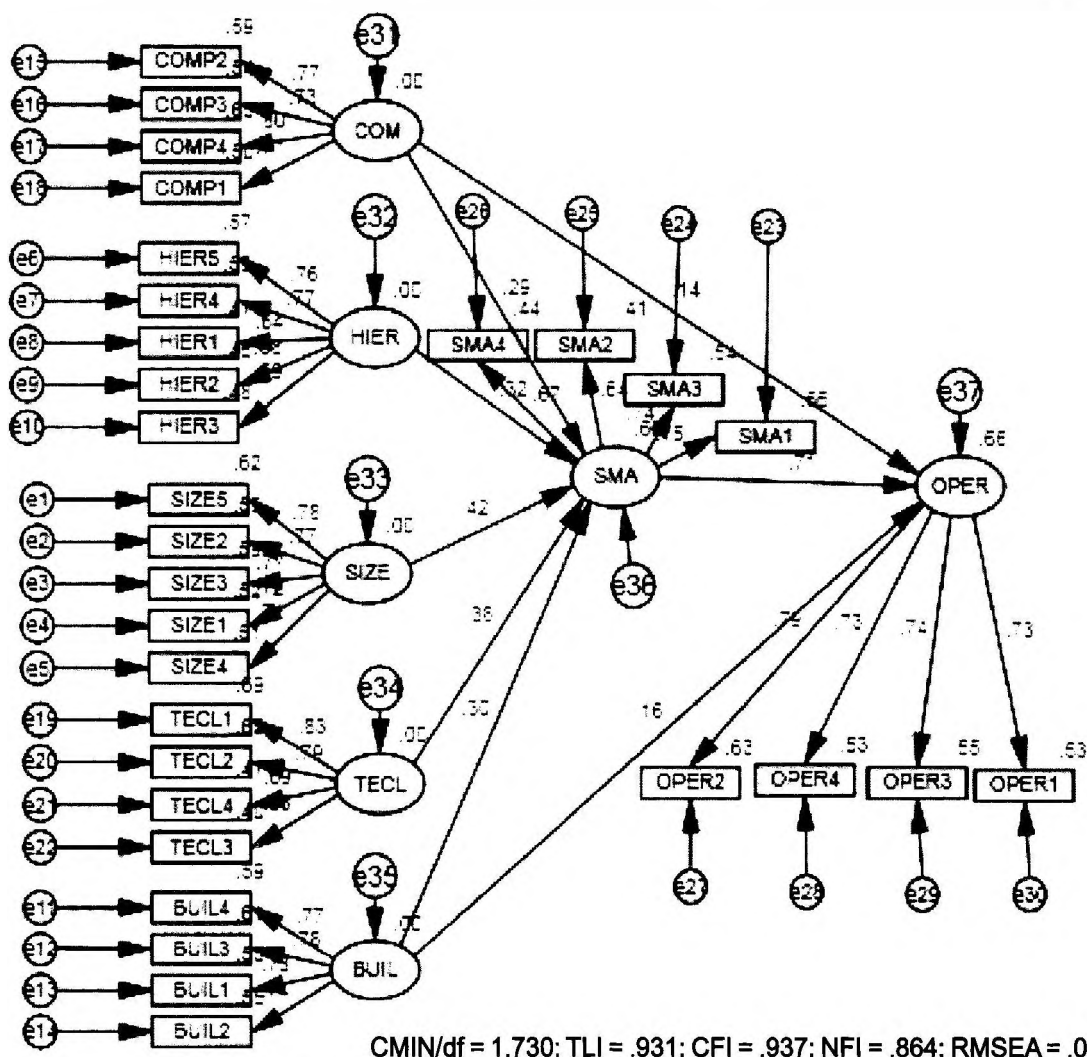
Hình 8: Kết quả phân tích nhân tố khẳng định



Bảng 3. Kết quả giá trị các thước đo

STT	Thước đo	Giá trị tiêu chuẩn	Giá trị mô hình	Kết quả
1	Chi bình phương điều chỉnh theo bậc tự do (Cmin/df)	$\chi^2/d.f.$ < 3 phù hợp tốt; < 5 chấp nhận; càng nhỏ càng tốt (Bentler & Bonett 1980; Bagozzi & Jy, 1988)	1,438	Tốt
2	Chỉ số TLI (Tucker-Lewis Index)	TLI càng tiến về 1 càng phù hợp; TLI > 0,90 phù hợp; TLI \geq 0,95 phù hợp tốt. (Hu & Bentler, 1998)	0,959	Tốt
3	Chỉ số thích hợp so sánh CFI (Comparative Fit Index),	CFI > 0,90; 0 < CFI < 1, càng tiến về 1 càng phù hợp. (Hu & Bentler, 1998).	0,963	Tốt
4	Chỉ số NFI (Normal Fit Index)	NFI càng tiến về 1 càng phù hợp; NFI gần bằng 0,90 phù hợp; NFI > 0,95 phù hợp tốt. (Chin & Todd, 1995; Hu & Bentler, 1998)	0,891	Phù hợp
5	Chỉ số RMSEA (Root Mean Square Error Approximation).	RMSEA < 0,05, mô hình phù hợp tốt; RMSEA < 0,08, phù hợp; càng nhỏ càng tốt. (Browne & Cudeck, 1993)	0,037	Tốt

Hình 9: Kết quả của phân tích cấu trúc tuyến tính



Bảng 4. Kết quả giả thuyết

Giả thuyết	Tác động		Estimate	S.E.	C.R.	P	Kết luận	
H1	SMA	<---	COM	0,280	0,054	5,209	***	Phù hợp
H2	SMA	<---	HIER	0,309	0,055	5,675	***	Phù hợp
H3	SMA	<---	SIZE	0,368	0,051	7,288	***	Phù hợp
H4	SMA	<---	TECL	0,326	0,049	6,708	***	Phù hợp
H5	SMA	<---	BUIL	0,307	0,057	5,365	***	Phù hợp
H7	OPER	<---	BUIL	0,169	0,058	2,890	0,004	Phù hợp
H8	OPER	<---	COM	0,139	0,055	2,530	0,011	Phù hợp
H6	OPER	<---	SMA	0,753	0,077	9,802	***	Phù hợp

Bảng 5. Mức độ tác động

Mức độ tác động đến SMA			Hệ số hồi quy	%	Vị trí
SMA	<---	COM	0,280	17,6	5
SMA	<---	HIER	0,309	19,4	3
SMA	<---	SIZE	0,368	23,1	1
SMA	<---	TECL	0,326	20,5	2
SMA	<---	BUIL	0,307	19,3	4
Tổng			1,590	100	
Mức độ tác động đến OPER					
OPER	<---	BUIL	0,169	15,9	2
OPER	<---	COM	0,139	13,1	3
OPER	<---	SMA	0,753	71,0	1
Tổng			1,061	100	

quản trị chiến lược đối với các DN ở Ghana vùng Tây Phi). Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở cho khoa học cho các nhà quản lý DN trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động cho DN.

8. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu có một số hạn chế nhất định. Các đối tượng khảo sát chỉ lấy từ 3 tỉnh - thành ở vùng miền Đông Nam Bộ, điều này hạn chế tính khái

quát của nghiên cứu. Nghiên cứu trong tương lai nên khảo sát nhiều tỉnh và thành phố khác ở miền Đông Nam Bộ và so sánh để nâng cao tính khái quát của các phát hiện. Hơn nữa, nghiên cứu này chỉ xem xét quan hệ giữa thực hiện kế toán quản trị chiến lược và hiệu quả hoạt động vì có những yếu tố khác nữa ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của DN mà nghiên cứu này chưa đề cập đến ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Abdel-Kader M. and Luther. R. (2008). The impact of firm characteristics on management accounting practices: A UK-based empirical analysis. *The British Accounting Review*, 40, 2-27.
2. Abernethy, M.A., and Bouwens, J. (2005). Determinants of accounting innovation. *Abacus*, 41(3), 217-240
3. Adu-Gyamfi, J., Youseng, K., and Chipwere, W. (2020). The impact of management accounting practices on the performance of manufacturing firms; An empirical evidence from Ghana. *Research Journal of Finance and Accounting*, 11(20), 100-113.

4. Ahmad, K. and Zabri, S.M.. (2018). The mediating effect of knowledge of inventory management in the relationship between inventory management practices and performance: The case of micro retailing enterprises. *Journal of Business and Retail Management Research*, 12(2), 83-93.
5. Aksoylu, S., and Aykan, E. (2013). Effects of strategic management accounting techniques on perceived performance of businesses. *Journal of US - China Public Administration*, 10(10), 1004-1017.
6. Alamri, A. M. (2018). Association between Strategic Management Accounting facets and Organization performance. *Baltic Journal of Management*, 14(2), 212-234.
7. Al - Mawali, H. (2015). Contingent factors of strategic management accounting. *Research Journal of Finance and Accounting*, 6(11), 130-137.
8. Alsoboa, S. (2015). The external orientation of strategic management accounting: customer accounting, business strategies, and customer performance. *Research Journal of Finance and Accounting*, 6(18), 94-105.
9. Anderson, J.C., and Gerbing, D.W. (1988). Structural Equation Modeling in Practice: A Review and Recommended Two-Step Approach. *Journal of Psychological Bulletin*, 103 (3), 411-423.
10. Aver, B., Aaver, B., and Cadez, S. (2009). Management accountants' participation in strategic management processes: a cross-industry comparison. *Journal for East European Management Studies*, 14(3), 310-322.
11. Bagozzi, R.B., and Jy, I. (1988). On the evaluation of structural equation model. *J. Acad Mark Sci*, 16, 74-94.
12. Barnett, W. P., and Carroll, G. R. (1995). Modeling internal organizational change. *Annual Review of Sociology*, 21, 217-236.
13. Battilana, J., and Casciaro, T. (2012). Change agents, networks, and institutions: A contingency theory of organizational change. *Academy of Management Journal*, 55(2), 381-398.
- Bentler, P. M., and Bonett, D. G. (1980). Significance tests and goodness of fit in the analysis of covariance structures. *Psychological Journal*, 32(1), 87-104.
14. Browne, M. W., and Cudeck, R. (1993). "Alternative Ways of Assessing Model Fit" in *Testing Structural Equation Models*, K. A. Bollen and J. S. Long (eds.), Newbury Park, CA: Sage Publications.
15. Burns, J., and Scapens, R. W. (2000). Conceptualizing management accounting change: An institutional framework. *Management Accounting Research*, 11(1), 3-25.
16. Business Ratios Guidebook (2020). Accounting tools: Return on Sales Definition. From <https://www.accountingtools.com/articles/return-on-sales.html>.
17. Cadez, S., and Guilding, C. (2008). An exploratory investigation of an integrated contingency model of strategic management accounting. *Accounting, organizations and society*, 33(7-8), 836-863.
18. Caplan, D. (2006). Management Accounting Concepts and Techniques. University at Albany, State University of New York. From <https://scholarsarchive.library.albany.edu/cgi/viewcontent.cgi?>
19. Carter, S., and Jones - evans, D. (2009). *Enterprise and Small Business: Principles, Practice and Policy*. USA: Pearson.
20. Chin, W. W., and Todd, P. A. (1995). On the Use, Usefulness, and Ease of Use of Structural Equation Modeling in MIS Research: A Note of Caution. *MIS Quarterly*, 19(2), 237-246.
21. CIMA: Chartered Institute of Management Accountants (2012). Chapter 2: The Modern Business Environment. In 2nd (Ed.), *P2 Performance Management*, pp. 47-84, Study textbook. UK: Elsevier and Kaplan.
22. Cinquini, L., and Tenucci, A. (2010). Strategic management accounting and business strategy: A loose coupling? *Journal of Accounting & Organizational Change*, 6(2), 228-259.
23. Emiaso, D., and Egbunike, A. P. (2018). Strategic management accounting practices and organizational performance of manufacturing firms in Nigeria. *Journal of Accounting and Financial Management*, 4(1), 10-18.
24. Ezzamel, M. (1990). The impact of environmental uncertainty, managerial autonomy and size on budget characteristics. *Management Accounting Research*, 1(3), 181-197.
25. Fisher, J. (1995). Contingency-based research on management control systems: Categorization by level of complexity. *Journal of Accounting Literature*, 14, 24-53.
26. Fowzia, R. (2011). Strategic management accounting techniques: Relationship with business strategy and strategic effectiveness of manufacturing organizations in Bangladesh. *World Journal of Management*, 3(2), 54-69.

27. Gefen, D., Rigdon, E.E., and Straub, D. (2011). An Update and Extension to SEM Guidelines for Administrative and Social Science Research. *MIS Quarterly*, 35(2), iii-xiv.
28. Godil, D.I., Kashif, M., and Sarwat, S. (2019). Contingency framework of Management Accounting System in SMEs of Pakistan. *GMJACS*, 9(2), 133-151.
29. Gordon, L. A., and Miller, D. (1976). A contingency framework for the design of accounting information systems. In *Accounting for Management Control*, Editors: David, C.E., Otley, D., and Merchant, K., 569-585. Australia: Springer.
30. Hair, J., Anderson, R., Tatham, P., and Black, W. (2006). *Multivariate Data Analysis*, 6ed. N.J.: Prentice - Hall, Upper Saddle River.
31. Hoque, Z. (2004). A contingency model of the association between strategy, environmental uncertainty and performance measurement: impact on organizational performance. *International Business Review*, 13(4), 485-502.
32. Hu, L.T., and Bentler, P. M. (1995). Evaluating model fit. In R. H. Hoyle (Ed.), *Structural equation modeling: Concepts, issues, and applications* (pp. 76-99). Thousand Oaks, CA: Sage.
33. Kamilah, A., and Zabri, S.M. (2018). The mediating effect of knowledge of inventory management in the relationship between inventory management practices and performance: The case of micro retailing enterprises. *Journal of Business and Retail Management Research*, 12(2), 83-93.
34. Kaplan, R. S., and Norton, D. P. (2005). The balanced scorecard: measures that drive performance. *Harvard business review*, 83(7), 172-177.
35. Kline, R.B. (1998). *Principles and practice of structural equation modeling*. New York: Guilford Press.
36. Kordlouie, H. R., and Hosseinpour, A. (2018). Management accounting practices in small and medium-sized enterprises regarding the impact of organizational and, commercial potential and operational technology. *International Journal of Business quantitative Economics and applied management research*, 4(8), 22-31.
37. Langfield-Smith, K. (2008). Strategic management accounting: how far have we come in 25 years? *Accounting, Auditing & Accountability Journal*, 21(2), 204-228.
38. Liu, Q., Tian, G.G., and Wang, X. (2011). The effect of ownership structure on leverage decision: New evidence from Chinese listed firms. *Journal of the Asia Pacific Economy*, 16(2), 254-257.
39. Lucas, M., Prowle, M., and Lowth, G. (2013). Management Accounting Practices of (UK) Small-Medium-Sized. *Improving SME performance through Management Accounting Education*, 61(6), 1-13.
40. Meyer, J.W., and Rowan, B. (1977). Institutionalized Organizations: Formal Structure as Myth and Ceremony. *American Journal of Sociology*, 83(2), 340-363.
41. Miles, R. E., Snow, C. C., Meyer, A. D., and Coleman Jr, H. J. (1978). Organizational strategy, structure, and process. *Academy of Management Review*, 3(3), 546-562.
42. Morton, N. A., & Hu, Q. (2008). Implications of the fit between organizational structure and ERP: A structural contingency theory perspective. *International Journal of Information Management*, 28(5), 391-402.
43. Nair, S., and Nian, Y.S. (2017). Factors Affecting Management Accounting Practices in Malaysia. *International Journal of Business and Management*, 12(10), 177-184.
44. Ndwiga, N.M. (2011). The role management accounting in creating and sustaining competitive advantage: A case study of Equity Bank. Kenya, University of South Africa, Pretoria. From <http://hdl.handle.net/10500/5047>
45. Nguyễn Thanh Hòa (2020). Tình hình phát triển doanh nghiệp và Môi trường kinh doanh khu vực Đông Nam Bộ. Cổng Thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp. Truy xuất từ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/599/5212/tinh-hinh-phat-trien-doanh-nghiep-va-moi-truong-kinh-doanh-khu-vuc-dong-nam-bo.aspx>.
46. Nunnally, J. C., and Burnstein, I. H. (1994). *Psychometric Theory*. New York: McGraw - Hill.
47. Nyamori, R. O., Perera, M. H. B., and Lawrence, S. R. (2001). The concept of strategic change and implications for management accounting research. *Journal of Accounting Literature*, 20, 62-83.
48. Ojra, J. (2014). *Strategic management accounting practices in Palestinian companies: Application of contingency theory perspective*. Norwich, England: University of East Anglia, Doctoral dissertation.
49. Ojua, M. O. (2016). Strategic management accounting practices among indigenous Nigerian manufacturing enterprises. *Open Science Journal*, 1(2), 1-13.

50. Otley, D. (1980), The contingency theory of management accounting: Achievement and prognosis. *Accounting, Organizations and Society*, 5, 413-428.

51. Richard, P., Devinney, T., Yip, G., and Johnson, G. (2009): Measuring Organizational Performance: Towards Methodological Best Practice. *Journal of International Management Studies*, 7(2), 93-100.

52. Roslender, R., and Hart, S.J. (2010). Strategic Management Accounting: Lots in a Name? Accountancy Discussion Papers 1005, Accountancy Research Group, Heriot Watt University. From <https://ideas.repec.org/p/hwe/hwuadp/1005.html>.

53. Smith, M., Abdullah, Z., and Abdul-Razak, R. (2008). The diffusion of technological and management accounting innovation: Malaysian evidence. *Asian Review of Accounting*, 16(3), 197-218.

54. Simon, H. A. (1976). *Administrative behavior: A study of decision - making processes in administrative organization (3rd ed.)*. Free Press.

55. Soobaroyen, T., and Poorundersing, B. (2008). The effectiveness of management accounting systems: evidence from functional managers in a developing country. *Managerial Auditing Journal*, 23(2), 187-219.

56. Suanmali, S., Ekkprawatt, P., Chawalit, J., Veeris, A., and Kornthip, W. (2011). A Study of Business Performance through Key Performance Indicators (KPIs) in Thai Garment Industry. Paper presented at the 5th International Congress on Logistics and SCM systems, Seoul, Korea, 2011. From <http://chawalit.sit.tu.ac.th/lib/exe/fetch.php?media=dissertations:icls54.pdf>

57. Sylvester, I.E., and Austin. (2019). Impact of Management Accounting Techniques On Financial Performance Of Manufacturing Companies In Nigeria. *Journal of Accounting Information and Innovation*, 5(1), 27-45.

58. Tillmann, K., and Goddard, A. (2008). Strategic management accounting and sense-making in a multinational company. *Management Accounting Research*, 19(1), 80-102

59. Turner, M. J., Way, S. A., Hodari, D., and Witteman, W. (2017). Hotel property performance: The role of strategic management accounting. *International Journal of Hospitality Management*, 63, 33-43.

60. Weber, M. (1947). *The theory of social and economic organization*. New York: Free Press.

61. Williams, J. J., and Seaman, A. E. (2001). Predicting change in management accounting systems: national culture and industry effects. *Accounting, Organizations and Society*, 26(4-5), 443-460.

62. Wu, J., and Boateng, A. (2007). An analysis of the adoption, perceived benefits, and expected future emphasis of western management accounting practices in Chinese SOEs and JVs. *The International Journal of Accounting*, 42(2), 171-185.

PHỤ LỤC

Bảng 6. Thang đo và các biến quan sát

TT	THANG ĐO	KÝ HIỆU
I	Xây dựng CLKD (Building business strategy)	BUIL
1	Chiến lược thường được phân tích trước khi chuyển chúng thành hành động	BUIL1
2	Nhận ra sự chậm chạp hoặc không có sự sai lệch	BUIL2
3	Trong DN của chúng tôi, hành động chiến lược thường phát triển trong trường hợp không có ý định chiến lược.	BUIL3
4	Hành động chiến lược thường thích ứng với biến cố môi phát sinh trong thị trường	BUIL4
II	Sự phân cấp quản lý (Management hierarchy)	HIER
4	DN có sự phân cấp quản lý về phát triển sản phẩm mới	HIER1
5	DN có sự phân cấp quản lý về tuyển dụng và sa thải nhân viên	HIER2
6	DN có sự phân cấp quản lý về mua tài sản	HIER3
7	DN có sự phân cấp quản lý về định giá bán	HIER4
8	DN có sự phân cấp quản lý về phân phối sản phẩm	HIER5

TT	THANG ĐO	KÝ HIỆU
III	Quy mô doanh nghiệp Trong 3 năm gần đây (Enterprise size)	SIZE
9	Số lao động bình quân năm tăng	SIZE1
10	Vốn điều lệ tăng	SIZE2
11	Tổng giá trị tài sản trên bảng cân đối kế toán tăng	SIZE3
12	Doanh thu bình quân năm tăng	SIZE4
13	Giá trị tài sản cố định của DN tăng	SIZE5
IV	Trình độ công nghệ (Technology level)	TECL
12	Công nghệ là yếu tố cốt lõi trong hệ điều hành của DN	TECL1
13	Các kỹ thuật sản xuất / dịch vụ của DN dựa trên công nghệ sản xuất tiên tiến.	TECL2
14	Hệ thống thông tin kế toán được làm trên máy tính	TECL3
15	DN đầu tư phần mềm để hỗ trợ kế toán và phân hành khác	TECL4
V	Mức độ cạnh tranh (The level of competition)	COMP
16	DN phải chịu áp lực cạnh tranh về nguyên liệu	COMP1
17	DN phải chịu áp lực cạnh tranh về nhân lực	COMP2
18	DN phải chịu áp lực cạnh tranh về bán hàng và phân phối	COMP3
19	DN phải chịu áp lực cạnh tranh về sự đa dạng của sản phẩm và giá cả	COMP4
20	DN phải chịu áp lực cạnh tranh về chất lượng sản phẩm	COMP5
VI	Việc áp dụng SMA trong DN (The application of SMA in firms)	SMA
23	DN thiết lập và vận hành hệ thống quản trị chất lượng toàn diện	SMA1
24	DN thiết lập và vận hành hệ thống quản trị dựa trên hoạt động	SMA2
25	DN sử dụng thẻ điểm cân bằng để đo lường hiệu quả hoạt động một cách toàn diện	SMA3
26	Kế toán theo dõi chi phí của một loại sản phẩm theo từng giai đoạn trong chu kỳ sống của sản phẩm đó	SMA4
27	Kế toán tập hợp chi phí riêng theo từng hoạt động trong chuỗi giá trị từ giai đoạn sản xuất đến giai đoạn phân phối sản phẩm	SMA5
VII	Hiệu quả hoạt động của DN trong 3 năm gần đây (Firm Operational Performance)	OPER
29	Định mức chi phí sản xuất đơn vị sản phẩm giảm	OPER1
30	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN tăng	OPER2
31	Số lượng khách hàng hài lòng về DN tăng	OPER3
32	Thị phần của DN mở rộng hơn	OPER4

Ngày nhận bài: 2/5/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/6/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/6/2021

Thông tin tác giả:

1. PGS.TS. ĐINH PHI HỔ

Trường Đại học Phan Thiết

2. TS. BÙI THỊ TRÚC QUY

Trường Đại học Thủ Dầu Một

3. TS. TRẦN ANH HOA

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

4. TS. BÙI QUANG MINH

Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

**THE RELATIONSHIP BETWEEN THE IMPLEMENTATION
OF STRATEGIC MANAGEMENT ACCOUNTING AND THE
PERFORMANCE OF AN ENTERPRISE: EMPIRICAL EVIDENCE
OF ENTERPRISES IN THE SOUTHEAST REGION, VIETNAM**

● Assoc.Prof.Ph.D **DINH PHI HO**¹

● Ph.D **BUI THI TRUC QUY**²

● Ph.D **TRAN ANH HOA**³

● Ph.D **BUI QUANG MINH**⁴

¹ Phan Thiet University

² Thu Dau Mot University

³ Univeristy of Economics Ho Chi Minh City

⁴ Binh Phuoc Province Department of Industry and Trade

ABSTRACT:

Strategic management accounting is a data system for management accounting to assist managers in planning, implementing and evaluating an organization's strategy. However, up to now, there are not many studies on the relationship between the implementation of strategic management accounting and the performance of an enterprise. The lack of empirical evidences about this issue is a challenge for policy makers and business managers. In this study, primary data collected from 352 enterprises in the Southeast region, Vietnam was analyzed by the Partial Least Squares-Structural Equation Modeling. The study finds out that there is a positive linear relationship between the implementation of strategic management accounting and the performance of an enterprise. The study also shows that the factors affecting the implementation of strategic management accounting are enterprise size, level of technology application, management hierarchy, business strategy development, and competition on market.

Keywords: strategic management accounting, performance, the Partial Least Squares-Structural Equation Modeling, the Southeast region, Vietnam.